

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2020/DSST  
Ngày 24- 11 -2020  
V/v hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Từ Thanh Nhung

*Các hội thẩm Nhân Dân:*

Ông: Bùi Xuân Minh

Ông: Văn Công Trọn

***Thư ký phiên Tòa :*** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký tòa án

***Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời :*** Bà Vũ Ánh Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 396/2020 ngày 23/07/2020 về việc “ hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa ra xét xử số 246/2020, ngày 23.10.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 605/2020 ngày 09.11.2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn :*** Nguyễn Thị N – sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

***- Bị đơn :*** Phạm Thị B – sinh năm 1937

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiệnn ngày 23.07.2020 và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện như sau:*

Vào ngày 25.5.2017, tôi làm chủ hui bà B tham gia chơi 3 chung hui (trong đó 1 chung là của bà B, còn 2 chung bà chơi dùm cho con bà), trong danh sách hui ghi “Bác Hai” là bà B, loại hui 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 1 lần, dây hui có 45 chung, bà B đã hốt hết 3 chung. Trong đó 1 chung tôi đã yêu cầu

Tòa án giải quyết và 1 chung cháu nội bà B đóng đầy đủ nên tôi không yêu cầu, còn lại 1 chung bà B nói chơi dùm cho con bà B, khi tham gia hội tôi có nói là con bác tôi không biết nếu bác lãnh tôi cho chơi lúc này bà B đồng ý nên tôi mới ghi là “Bác Hai” 3 chung, sau khi hốt bà B đóng hội chết cho tôi đến ngày 30/6/2019 từ đó ngưng đến nay không đóng là 19 lần (tính đến mãng hội) là 38.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà B trả lại 38.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà N rút lại 1 phần bà yêu cầu bà B trả cho bà 31.000.000 đồng theo lời trình bày của bà B.

***Bị đơn bà Phạm Thị B, trình bày:***

Tại biên bản làm việc ngày 13.10.2020 và ngày 18.11.2020 bà B thừa nhận đây hội khui ngày 25.05.2017 do bà N làm chủ hội, bà B tham gia 1 chung, còn 2 chung là của Huỳnh Thị Duyên (con bà B), hiện nay Duyên ở đâu thì bà không biết, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 1 lần, 2 chung hội của Duyên đã hốt hết, hốt khi nào thì tôi không biết, nhưng hàng tháng Duyên có gửi tiền về cho tôi đóng cho bà N, chung hội này còn thiếu bà N 31.000.000 đồng là hết. Tôi thừa nhận trong danh sách hội ghi tên “Bác Hai” là tôi. Nay tôi không đồng ý theo yêu cầu của bà N vì chung hội này của con tôi chơi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo trình tự quy định của pháp luật Tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho bà N số tiền là 31.000.000 đồng, bởi tại các biên bản làm việc bà B cũng xác định trong danh sách hội ghi tên “Bác Hai” là tên của bà và chung hội này còn thiếu lại 31.000.000 đồng chưa đóng cho bà N. Nhưng bà cho rằng chung hội này là của Duyên con bà và bà không chứng minh được bởi các lần đóng hội điều do bà B là người đóng hội và hiện nay bà cũng không biết bà Duyên ở đâu, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền Tòa án* : Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại huyện Trần Văn Thời, bà N khởi kiện bà B về việc Hợp đồng góp hội, nên Tòa án Nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều Điều 26 và 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] *Về quyền khởi kiện*: nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn, bị bị đơn xâm hại nên khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại điều 186 BLTTDS.

[3] *Xét về trình tự thủ tục*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà B lần để xét xử nhưng bà B vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà B.

[4]. *Xét về điều luật áp dụng*: việc giao dịch này sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật hiện hành để giải quyết và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp*: bà N cho rằng bà B tham gia góp hội hiện nay còn thiếu số tiền là 38.000.000 chưa trả nên khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền trên, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “hợp đồng góp hội” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

[6] *Về nội dung khởi kiện*: Vào ngày 25.5.2017 bà N làm chủ hội loại hội 2.000.000 đồng, 1 tháng khui 1 lần, đây hội có 45 chung, bà B tham gia 3 chung, trong đó bà B 1 chung bà B tham gia chơi dùm cho con bà B 2 chung, do bà B lãnh nên bà N mới cho tham gia, trong danh sách hội ghi là “Bác Hai” 3 chung, 3 chung hội này bà B đã hót hết. Trong số 3 chung này 1 chung cháu bà B đóng đầy đủ, 1 chung bà N đã khởi kiện ra Tòa giải quyết xong, 1 chung này bà B có hứa (tại biên bản hòa giải áp) để con bà gửi tiền đóng, nhưng đến nay không đóng hội chết cho bà N. Số tiền theo bà N trình bày là 19 lần bằng 38.000.000 đồng, nhưng tại phiên Tòa bà N thay đổi yêu cầu bà N yêu cầu bà B trả 31.000.000 đồng.

Đối với bà N thừa nhận có 3 chung hội nhưng bà chơi cho con bà 2 chung, bà không bảo lãnh, nhưng bà có hứa là để con bà gửi tiền về bà sẽ đóng cho bà N, bà xác định hiện nay chỉ thiếu bà N 31.000.000 đồng. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu của bà N, vì hội này là của con bà.

Xét thấy việc bà N yêu cầu bà B trả số tiền 31.000.000 đồng là có căn cứ bởi bà B cũng thừa nhận danh sách hội khui ngày 25.5.2017 tên “Bác Hai” là tên của bà và các lần đóng hội là do bà trực tiếp đóng cho bà N, bà N cũng xác định khi giao hội là giao trực tiếp cho bà B nhận, và tại các biên bản làm việc bà B cũng xác định còn thiếu bà N trong chân hội này là 31.000.000đ. Do đó có căn cứ buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 31.000.000 đồng là phù hợp với Điều 471 BLDS và Điều 17, Điều 18, Điều 24 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

Phản án phí sơ thẩm có giá ngạch bà B phải nộp 5% trên tổng giá trị phải trả cho bà N. Nhưng hiện nay bà B đã hơn 60 tuổi, nên căn cứ vào Điều 12, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Trường hợp bà B được miễn toàn bộ án phí nhưng bà B không có đơn yêu cầu miễn án phí nên không có căn cứ để miễn án phí cho bà B, là phù hợp với Điều 147 BLTTDS. Đối với bà N yêu cầu được

chấp nhận nên không phải chịu án phí có giá ngạch, bà N nộp án phí trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: Điều 26, Điều, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 688, BLTTDS, áp dụng Điều 471 và Điều 468 Bộ luật dân sự. và Điều 17, Điều 18, Điều 24 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường. Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án , tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu).

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà B chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng bà B phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án phí sơ thẩm dân sự giá ngạch bà B phải nộp là 1.550.000 đồng. Bà N được hoàn lại án phí đã dự nộp trước là 950.000 đồng theo biên lai thu số 0004061 ngày 23/07/2020.

Nguyên đơn có quyền kháng án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng bà B có quyền kháng cáo vắng mặt 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

## Từ Thanh Nhung